

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	7- 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 37

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6,982,467,208,150	6,652,595,735,451
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	153,355,510,395	118,142,382,645
1.	Tiền	111		153,255,510,395	118,142,382,645
2.	Các khoản tương đương tiền	112		100,000,000	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3,720,078,997,883	3,178,426,833,594
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	292,159,071,643	514,695,503,218
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(39,451,884,893)	(137,506,487,068)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3,467,371,811,133	2,801,237,817,444
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		933,105,670,695	957,125,800,733
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	493,204,642,499	652,578,397,027
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		476,619,722,716	608,316,325,735
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		16,584,919,783	44,262,071,292
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	137,873,400,247	90,460,808,098
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		13,140,000,000	13,140,000,000
5.	Các khoản phải thu khác	136	V.5	335,592,280,190	249,425,428,475
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(46,704,652,241)	(48,478,832,867)
IV	Hàng tồn kho	140		14,599,741,323	15,999,232,660
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	14,599,741,323	15,999,232,660
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		410,315,100,229	399,506,624,819
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	406,193,786,715	392,988,957,776
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		404,947,362,165	392,345,860,078
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1,246,424,550	643,097,698
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,253,323,086	6,043,436,712
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	867,990,428	474,230,331
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		1,751,012,187,625	1,983,394,861,000
1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	V.18	1,282,170,582,438	1,373,748,583,697
2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	V.18	468,841,605,187	609,646,277,303

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,017,030,294,529	961,951,592,092
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		60,912,695,256	83,259,389,178
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	250,000,000
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		60,912,695,256	83,009,389,178
6.1	Ký quỹ bảo hiểm	216.1		10,282,691,000	10,280,000,000
6.2	Phải thu dài hạn khác	216.2		50,630,004,256	72,729,389,178
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		117,878,411,548	107,256,657,789
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	110,452,867,399	98,932,022,661
	Nguyên giá	222		234,710,472,363	215,890,678,814
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124,257,604,964)	(116,958,656,153)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	7,425,544,149	8,324,635,128
	Nguyên giá	228		18,960,592,486	18,637,092,486
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11,535,048,337)	(10,312,457,358)
III	Bất động sản đầu tư	230	V.12	132,441,011,195	134,269,251,437
	Nguyên giá	231		145,709,389,296	145,709,389,296
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13,268,378,101)	(11,440,137,859)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		34,998,191,793	49,296,477,314
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	34,998,191,793	49,296,477,314
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		645,999,788,266	553,852,252,675
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	43,291,669,412	42,383,971,413
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	41,510,000,000	96,373,299,985
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(11,813,439,932)	(47,742,571,184)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	573,011,558,786	462,837,552,461
VI	Tài sản dài hạn khác	260		24,800,196,471	34,017,563,699
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	23,552,510,303	32,537,961,484
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	41,332,557
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4.	Lợi thế thương mại	269		1,247,686,168	1,438,269,658
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		7,999,497,502,679	7,614,547,327,543

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		6,098,644,888,293	5,746,984,869,886
I Nợ ngắn hạn		310		6,062,675,379,732	5,734,022,260,756
1. Phải trả cho người bán		311	V.14	613,659,646,279	554,948,319,769
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>		311.1		585,467,021,442	500,572,000,572
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>		311.2		28,192,624,837	54,376,319,197
2. Người mua trả tiền trước		312	V.15	9,924,693,229	6,817,186,836
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.16	54,645,655,789	51,618,893,485
4. Phải trả người lao động		314		165,022,354,532	61,510,981,320
5. Chi phí phải trả		315		3,906,215,497	13,439,688,892
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1		89,965,149,290	119,073,727,582
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2		335,179,387,772	293,161,262,536
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.17	217,508,204,879	106,110,480,490
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		188,207,130,731	6,287,285,564
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	95,000,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		187,836,139	175,336,139
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
13. Dự phòng nghiệp vụ		329	V.18	4,384,469,105,595	4,425,879,098,143
13.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.1	V.18a	3,264,037,381,276	3,160,260,976,999
13.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		319.2	V.18a	995,685,003,512	1,161,842,936,713
13.3 <i>Dự phòng giao động lớn</i>		319.3	V.18b	124,746,720,807	103,775,184,431
II Nợ dài hạn		330		35,969,508,561	12,962,609,130
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
2. Phải trả dài hạn khác		337		26,852,182,805	1,320,665,586
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		9,117,325,756	11,360,701,654
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	281,241,890

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1,900,852,614,386	1,867,562,457,657
	Vốn chủ sở hữu	410	1,900,852,614,386	1,867,562,457,657
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	803,957,090,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	803,957,090,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	827,943,052,804	827,943,052,804
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	24,031,389,849	22,927,850,857
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	55,402,458,511	55,402,458,511
5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	184,828,049,635	151,901,227,577
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	68,193,185,536	44,173,460,600
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	116,634,864,099	107,727,766,977
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	4,690,573,587	5,430,777,908
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	7,999,497,502,679	7,614,547,327,543

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		207,619,235,541	207,619,235,541
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		165,437.40	347,266.52
Euro (EUR)		28,150.97	28,156.27
Bảng Anh (£)		324.83	328.03

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: đồng)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		2,278,769,788,899	1,866,251,151,622
2.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		3,484,544,009	4,311,145,013
2.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11.2	VI.2	13,142,921,069	68,882,905,720
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.3	83,557,187,233	111,370,394,319
4. Thu nhập khác	13		2,436,319,621	405,181,621
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		1,954,291,092,047	1,492,742,009,342
6.1 Giá vốn bất động sản đầu tư	21		2,068,859,742	2,550,744,188
6.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.2		7,805,061,326	60,568,562,943
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	(6,266,777,996)	90,182,700,944
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		-	1,115,384,620
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.5	278,240,811,193	373,096,818,857
9. Chi phí khác	24		723,832,728	379,523,631
10.1 Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	50.1		907,697,999	1,436,373,203
10.2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		145,435,579,790	32,021,406,973

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	28,800,715,691	4,848,050,076
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		116,634,864,099	27,173,356,897
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		58,729,281	17,039,356
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		116,576,134,818	27,156,317,541
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1,450	338

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: đồng)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý II.2020	Quý II.2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	1,454,626,619,943	1,081,699,511,506	2,886,088,436,077	2,097,331,097,093
- Phí bảo hiểm gốc	01.1	1,435,740,548,068	1,433,430,674,490	2,950,844,150,235	2,754,741,402,749
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2	25,688,988,025	30,842,086,741	39,020,690,119	45,210,093,454
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	6,802,916,150	382,573,249,725	103,776,404,277	702,620,399,110
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02	514,391,720,389	277,278,525,687	984,289,203,971	589,345,438,775
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1	472,010,251,643	592,338,002,005	892,711,202,712	1,110,481,337,346
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	(42,381,468,746)	315,059,476,318	(91,578,001,259)	521,135,898,571
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03	940,234,899,554	804,420,985,819	1,901,799,232,106	1,507,985,658,318
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04	235,539,467,536	191,959,233,796	376,970,556,793	358,265,493,304
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	124,962,667,808	89,625,359,980	247,582,720,016	153,560,676,624
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	110,576,799,728	102,333,873,816	129,387,836,777	204,704,816,680
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10.1	1,175,774,367,090	996,380,219,615	2,278,769,788,899	1,866,251,151,622
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2	8,197,743,688	37,194,771,355	13,142,921,069	68,882,905,720
6. Chi bồi thường	11	520,647,609,195	535,610,285,481	981,997,318,834	924,104,660,273
- Tổng chi bồi thường	11.1	528,674,771,851	540,234,914,674	993,856,155,163	932,810,254,713
- Các khoản giảm trừ (thu hồi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2	8,027,162,656	4,624,629,193	11,858,836,329	8,705,594,440
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	155,554,191,948	152,889,451,572	258,163,106,366	240,223,133,612

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý II.2020	Quý II.2019	Năm nay / Năm trước
8.	13	Tặng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(98,065,154,929)	(70,606,811,977)	(166,157,933,201) / (38,336,814,764)
9.	14	Tặng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		(105,826,032,084)	(68,450,492,381)	(140,804,672,116) / (32,414,667,147)
10.	15	Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)		372,854,294,402	380,564,514,313	698,480,951,383 / 677,959,379,044
11.	16	Tặng (giảm) dự phòng giao động lớn		9,894,217,450	8,719,347,591	20,971,536,376 / 16,894,701,588
12.	17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		644,026,386,417	482,792,747,350	1,234,838,604,288 / 797,887,928,710
	17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		214,009,308,336	101,940,355,275	334,017,870,003 / 180,143,392,157
	17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		430,017,078,081	380,852,392,075	900,820,734,285 / 617,744,536,553
13.1	18.1	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)		1,026,774,898,269	872,076,609,254	1,954,291,092,047 / 1,492,742,009,342
13.2	18.2	Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác		5,216,498,793	32,665,348,369	7,805,061,326 / 60,568,562,943
14.1	19.1	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)		148,999,468,821	124,303,610,361	324,478,696,852 / 373,509,142,280
14.2	19.2	Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác		2,981,244,895	4,529,422,986	5,337,859,743 / 8,314,342,777
15.	20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		486,661,250	2,730,560,234	3,484,544,009 / 4,311,145,013
16.	21	Giá vốn bất động sản đầu tư		1,058,491,821	1,797,264,208	2,068,859,742 / 2,550,744,188
17.	22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)		(571,830,571)	933,296,026	1,415,684,267 / 1,760,400,825
18.	23	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	13,069,483,411	63,020,396,091	83,557,187,233 / 111,370,394,319
19.	24	Chi phí hoạt động tài chính	VI.4	(36,756,274,120)	58,054,951,718	(6,266,777,996) / 90,182,700,944
20.	25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)		49,825,757,531	4,965,444,373	89,823,965,229 / 21,187,693,375
21.	26.1	Chi phí bán hàng	-	-	631,988,552	- / 1,115,384,620
21.	26.2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	113,838,567,818	149,583,721,493	278,240,811,193 / 373,096,818,857
22.	30	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)		87,396,072,858	(15,483,936,299)	142,815,394,898 / 30,559,375,780

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý II.2020	Quý II.2019	Năm nay Năm trước
23.			Thu nhập khác	495,593,358	214,900,008	2,436,319,621 405,181,621
24.			Chi phí khác	36,417,334	235,829,067	723,832,728 379,523,631
25.			Lợi nhuận khác (40=31-32)	459,176,024	(20,929,059)	1,712,486,893 25,657,990
25.			Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	(981,952,687)	982,052,424	907,697,999 1,436,373,203
26.			Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	86,873,296,195	(14,522,812,934)	145,435,579,790 32,021,406,973
27.			Chi phí thuế TNDN hiện hành	17,503,465,290	(4,445,727,518)	28,800,715,691 4,848,050,076
28.			Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
29.			Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	69,369,830,905	(10,077,085,416)	116,634,864,099 27,173,356,897
37.			Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	34,325,436	7,256,959	58,729,281 17,039,356
38.			Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	69,335,505,469	(10,084,342,375)	116,576,134,818 27,156,317,541
30.			Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	1,450 338

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		145,435,579,790	32,021,406,973
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		10,349,780,032	11,831,179,116
- Các khoản dự phòng	03		55,214,766,774	140,393,136,691
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(69,538,208,353)	(81,822,575,726)
- Chi phí lãi vay	06		2,536,114,401	4,190,265,898
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		143,998,032,644	106,613,412,951
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		82,921,459,893	(179,194,835,225)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,399,491,337	(6,828,449,317)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		116,509,424,730.00	443,266,543,497
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4,219,377,758)	(113,232,577,790)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		222,536,431,575	(24,642,043,737)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2,536,114,401)	(4,190,265,898)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20,053,972,865)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		12,500,000	147,368,138
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		2,207,077,984	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		542,774,953,139	221,939,152,619
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4,845,008,028)	(76,166,791,129)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,332,310,883,332)	(1,072,250,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		556,002,883,318	703,626,247,522
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		53,955,601,986	60,369,914,197
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37,386,022,622	70,550,362,701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(689,811,383,434)	(313,870,266,709)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		183,117,087,356	262,956,927,372
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,197,242,189)	(192,786,416,224)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		329,712,878	(9,890,148,608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		182,249,558,045	60,280,362,540
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		35,213,127,750	(31,650,751,549)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	118,142,382,645	124,625,653,602
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	153,355,510,395	92,974,902,053

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

QUÝ II BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP thương mại Xăng dầu Việt Nam.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Số 26 đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bán xăng dầu	-	93,63%	-	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán bất động sản và dịch vụ khác	95,32%	95,32%	95,32%	49%

- (i) Ngày 10 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị công ty đã ban hành Nghị quyết số 56/NQ-PTI-HĐQT về việc phê duyệt thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty chào bán toàn bộ 1.198.000 cổ phần tương đương 93,63% vốn điều lệ thực góp với giá khởi điểm là 9.800 VND/cổ phần. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Tổng Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần thương mại Xăng dầu Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 Tổng Công ty có 2.342 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.292 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Toàn Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	50

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 05 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại	Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
=	-----	x	x	x
	Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp	năm tài chính hiện tại	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước	Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong kỳ kế toán. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2020 : 23.290 VND/USD
31/12/2019 : 23.230 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 05 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	9,645,899,957	7,262,997,130
Tiền gửi ngân hàng	143,602,610,438	107,623,805,515
Tiền đang chuyển	7,000,000	3,255,580,000
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	100,000,000	-
Cộng	153,355,510,395	118,142,382,645

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	292,159,071,643	252,707,186,750	514,695,503,218	377,189,016,150
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	4,040,383,369,919	4,033,039,369,919	3,264,075,369,905	3,256,731,369,905
Tiền gửi có kỳ hạn	3,467,371,811,133	3,467,371,811,133	2,801,237,817,444	2,801,237,817,444
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	3,312,537,511,133	3,312,537,511,133	2,696,403,517,444	2,696,403,517,444
Đầu tư trái phiếu	4,834,300,000	4,834,300,000	4,834,300,000	4,834,300,000
Dài hạn	150,000,000,000	150,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	573,011,558,786	565,667,558,786	462,837,552,461	455,493,552,461
Đầu tư trái phiếu	465,011,558,786	465,011,558,786	341,924,109,589	341,924,109,589
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	-	-	12,913,442,872	12,913,442,872
Cộng	8,000,000,000	656,000,000	8,000,000,000	656,000,000
Cộng	4,332,542,441,562	4,285,746,556,669	3,778,770,873,123	3,633,920,386,055

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽¹⁾	20,152,200,000	-	20,152,200,000	20,152,200,000	-	20,152,200,000
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ⁽²⁾	14,292,700,000	-	14,292,700,000	14,292,700,000	-	14,292,700,000
Cộng	34,444,900,000	-	34,444,900,000	122,644,900,000	-	122,177,838,159

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(1)	26,572,608,828	1,500,367,227	-	-	28,072,976,055
(2)	15,811,362,585	830,476,770	-	(1,423,145,998)	15,218,693,357
Cộng	42,383,971,413	2,330,843,997	-	(1,423,145,998)	43,291,669,412

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15,000,000,000	4,469,439,932	15,000,000,000	4,469,439,932
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17,080,000,000	-	17,080,000,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Công ty Cổ phần 36			54,863,299,985	35,929,131,252
Cộng	41,510,000,000	4,469,439,932	96,373,299,985	40,398,571,184

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	358,270,521,403	340,234,806,699
Phải thu về tái bảo hiểm	118,349,201,313	268,081,519,036
Phải thu khách hàng khác	16,584,919,783	44,262,071,292
Cộng	493,204,642,499	652,578,397,027

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	103,431,158,101	69,265,768,884
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	867,142,492	1,030,789,360
Trả trước cho nhà cung cấp khác	33,575,099,654	20,164,249,854
Cộng	137,873,400,247	90,460,808,098

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	198,628,197,963	166,476,012,232
Phải thu lại tiền bồi thường đã chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do toà án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5,614,181,754	5,614,181,754
Tạm ứng hoa hồng đại lý	21,263,982,840	18,000,000,000
Tạm ứng kinh doanh	54,299,202,728	14,667,161,599
Ký quỹ	4,260,239,512	1,638,862,379
Các khoản phải thu khác	51,526,475,393	43,029,210,511
Cộng	335,592,280,190	249,425,428,475

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	48,478,832,867	60,832,254,221
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	989,208,974	511,115,483
Sử dụng dự phòng	-	(11,146,059,438)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1,718,477,399)
Giảm do thanh lý công ty con	(2,763,389,600)	-
Số cuối kỳ	46,704,652,241	48,478,832,867

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4,263,405,550	5,042,401,632
Công cụ, dụng cụ	227,868,742	446,455,942
Hàng hóa	10,108,467,031	10,510,375,086
Cộng	14,599,741,323	15,999,232,660

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	404,947,362,165	392,345,860,078
Chi phí khác	1,246,424,550	643,097,698
Cộng	406,193,786,715	392,988,957,776

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	392,345,860,078	233,777,609,509
Số phát sinh trong năm	346,619,372,090	299,403,217,728
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(334,017,870,003)	(180,143,392,157)
Số dư cuối kỳ	404,947,362,165	353,037,435,080

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	3,757,311,771	6,219,685,369
Chi phí thuê nhà	3,524,396,638	4,293,023,339
Chi phí phát triển đại lý	526,774,300	397,927,853
Các khoản chi phí khác	15,744,027,594	21,627,324,923
Cộng	23,552,510,303	32,537,961,484

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	8,583,891	801,988
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	844,112,310	384,274,774
Thuế khác	15,294,227	89,153,569
Cộng	867,990,428	474,230,331

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	53,392,648,892	13,913,270,996	113,428,484,970	35,156,273,956	215,890,678,814
Mua sắm mới trong năm	-	-	1,299,648,182	584,744,818	1,884,393,000
XDCB hoàn thành trong năm	-	20,770,046,143	-	-	20,770,046,143
Giảm do hợp nhất	(676,312,055)	-	(945,425,818)	(34,500,000)	(1,656,237,873)
Giảm do Thanh lý nhượng bán	-	-	(2,178,407,721)	-	(2,178,407,721)
Số cuối kỳ	52,716,336,837	34,683,317,139	111,604,299,613	35,706,518,774	234,710,472,363

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	26,959,018,606	1,018,628,295	65,401,062,919	23,579,946,333	116,958,656,153
Khấu hao trong năm	247,691,990	3,147,475,548	3,337,830,962	2,159,238,547	8,892,237,047
Giảm do hợp nhất	(215,192,302)	-	(945,425,818)	(34,500,000)	(1,195,118,120)
Giảm do Thanh lý nhượng bán	-	-	(398,170,117)	-	(398,170,117)
Số cuối kỳ	26,991,518,294	4,166,103,843	67,395,297,946	25,704,684,880	124,257,604,964

Giá trị còn lại

Số đầu năm	26,433,630,286	12,894,642,701	48,027,422,051	11,576,327,623	98,932,022,661
Số cuối kỳ	25,724,818,543	30,517,213,296	44,209,001,667	10,001,833,894	110,452,867,399

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5,096,806,800	13,540,285,686	18,637,092,486
Tăng trong năm	-	450,000,000	450,000,000
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Giảm do hợp nhất	-	(126,500,000)	(126,500,000)
Số cuối kỳ	5,096,806,800	13,863,785,686	18,960,592,486

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	10,312,457,358	10,312,457,358
Khấu hao trong năm	-	1,349,090,979	1,349,090,979
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Giảm do hợp nhất	-	(126,500,000)	(126,500,000)
Số cuối kỳ	-	11,535,048,337	11,535,048,337

Giá trị còn lại

Số đầu năm	5,096,806,800	3,227,828,328	8,324,635,128
Số cuối kỳ	5,096,806,800	2,328,737,349	7,425,544,149

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	145,709,389,296	145,709,389,296
Tăng do XDCB hoàn thành	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	145,709,389,296	145,709,389,296
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	11,440,137,859	11,440,137,859
Khấu hao trong năm	-	1,828,240,242	1,828,240,242
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	13,268,378,101	13,268,378,101
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	134,269,251,437	134,269,251,437
Số cuối kỳ	-	132,441,011,195	132,441,011,195

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	10,764,479,835	1,421,332,800	-	-	12,185,812,635
XDCB dở dang	38,340,017,916	5,033,482,951	20,669,135,540	83,965,732	22,620,399,595
Công trình In-Building	28,542,791,797	5,033,482,951	20,669,135,540	83,965,732	12,823,173,476
Công trình khác	9,797,226,119	-	-	-	9,797,226,119
Chi phí khác	191,979,563	-	-	-	191,979,563
Cộng	49,296,477,314	6,454,815,751	20,669,135,540	83,965,732	34,998,191,793

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	257,326,876,644	144,799,167,468
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	319,142,756,129	338,244,791,629
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	8,997,388,669	17,528,041,475
Phải trả cho nhà cung cấp khác	28,192,624,837	54,376,319,197
Cộng	613,659,646,279	554,948,319,769

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước về hoạt động bảo hiểm gốc	9,693,977,020	6,605,563,922
Người mua trả tiền trước khác	230,716,209	211,622,914
Cộng	9,924,693,229	6,817,186,836

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	23,503,867,660	25,185,493,185
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23,161,350,836	14,414,608,010
Thuế thu nhập cá nhân	7,717,663,102	11,570,518,192
Thuế khác	262,774,191	448,274,098
Cộng	54,645,655,789	51,618,893,485

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145,435,579,790	32,021,406,973
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1,432,001,330)	(7,781,156,590)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1,432,001,330)	(7,781,156,590)
Thu nhập chịu thuế	144,003,578,460	24,240,250,383
Thu nhập tính thuế	144,003,578,460	24,240,250,383
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	28,800,715,692	4,848,050,077
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	28,800,715,691	4,848,050,076

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1,815,555,644	580,138,788
Kinh phí công đoàn	4,813,210,447	4,749,641,271
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90,382,571,039	9,657,149,161
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,182,050,908	855,136,400
Thuế nhà thầu tạm giữ	2,905,112,751	2,474,729,464
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	23,466,661,432	18,181,965,051
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	40,394,228,706	19,528,905,584
Các khoản khác	52,548,813,953	50,082,814,771
Cộng	217,508,204,879	106,110,480,490

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)
1. Dự phòng bồi thường						
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	995,685,003,512	468,841,605,187	526,843,398,325	1,161,842,936,713	609,646,277,303	552,196,659,410
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	832,709,764,012	378,617,482,929	454,092,281,083	1,018,867,697,213	519,422,155,045	499,445,542,168
	162,975,239,500	90,224,122,258	72,751,117,242	142,975,239,500	90,224,122,258	52,751,117,242
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	3,264,037,381,276	1,282,170,582,438	1,981,866,798,838	3,160,260,976,999	1,373,748,583,697	1,786,512,393,302
Cộng	4,259,722,384,788	1,751,012,187,625	2,508,710,197,163	4,322,103,913,712	1,983,394,861,000	2,338,709,052,712
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1,161,842,936,713	609,646,277,303	552,196,659,410	896,915,750,913	347,425,959,496	549,489,791,417
Số trích lập trong kỳ	(166,157,933,201)	(140,804,672,116)	(25,353,261,085)	264,927,185,800	262,220,317,807	2,706,867,993
Số dư cuối kỳ	995,685,003,512	468,841,605,187	526,843,398,325	1,161,842,936,713	609,646,277,303	552,196,659,410
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	3,160,260,976,999	1,373,748,583,697	1,786,512,393,302	2,144,592,205,609	732,477,619,828	1,412,114,585,781
Số trích lập trong kỳ	103,776,404,277	(91,578,001,259)	195,354,405,536	1,015,668,771,390	641,270,963,869	374,397,807,521
Số dư cuối kỳ	3,264,037,381,276	1,282,170,582,438	1,981,866,798,838	3,160,260,976,999	1,373,748,583,697	1,786,512,393,302

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Dự phòng giao động lớn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	103,775,184,431	98,160,886,772
Số trích lập thêm trong kỳ	20,971,536,376	35,614,297,659
Số sử dụng trong kỳ		(30,000,000,000)
Số dư cuối kỳ	<u>124,746,720,807</u>	<u>103,775,184,431</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	22,644,374,262	49,884,763,553	110,585,835,597	964,205,519	1,815,979,321,735
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	113,245,461,935	162,983,403	113,408,445,338
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	283,476,595	5,517,694,958	(5,969,471,554)	(1,700,000)	(170,000,001)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(64,316,567,200)	(22,000,000)	(64,338,567,200)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(183,476,595)	-	(183,476,595)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1,071,822,977)	(1,560,000)	(1,073,382,977)
Trích quỹ khen thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(366,953,190)	-	(366,953,190)
Lợi ích sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	4,307,070,547	4,307,070,547
Giảm khác	-	-	-	-	(21,778,439)	21,778,439	-
Số dư cuối năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	22,927,850,857	55,402,458,511	151,901,227,577	5,430,777,908	1,867,562,457,657
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	22,927,850,857	55,402,458,511	151,901,227,577	5,430,777,908	1,867,562,457,657
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	116,576,134,818	34,325,436	116,610,460,254
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	1,103,538,992	-	(5,517,694,938)	-	4,414,155,946.00
Chia cổ tức kỳ nay	-	-	-	-	(80,395,709,000)	-	(80,395,709,000)
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	-
Lợi ích sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (do thanh lý công ty con)	-	-	-	-	2,264,091,178	(774,529,757)	1,489,561,421
Số dư cuối kỳ này	803,957,090,000	827,943,052,804	24,031,389,849	55,402,458,511	184,828,049,635	4,690,573,587	1,900,852,614,386

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	<u>80.395.709</u>	<u>80.395.709</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bảo hiểm gốc	2,991,225,911,559	2,782,825,984,806
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(40,381,761,324)	(28,084,582,057)
Phí nhận tái bảo hiểm	40,447,066,322	46,391,313,386
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(1,426,376,203)	(1,181,219,932)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(103,776,404,277)	(702,620,399,110)
Doanh thu thuần	<u>2,886,088,436,077</u>	<u>2,097,331,097,093</u>

2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	-	56,960,764,989
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	13,142,921,069	11,922,140,731
Cộng	<u>13,142,921,069</u>	<u>68,882,905,720</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	71,318,445,957	72,526,810,723
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	94,247,211	163,702,054
Lãi kinh doanh chứng khoán	9,010,524,830	29,050,241,858
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7,020,913,464
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,432,813,271	1,110,537,598
Lãi đầu tư dài hạn	-	838,478,337
Các khoản khác	1,701,155,965	659,710,285
Cộng	<u>83,557,187,233</u>	<u>111,370,394,319</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	2,536,114,401	4,190,265,898
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,951,070,066	3,307,315,734
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(135,389,942,878)	18,096,285,870
Lỗ kinh doanh chứng khoán	124,538,816,538	63,621,424,763
Chi phí tài chính khác	97,163,878	967,408,680
Cộng	(6,266,777,996)	90,182,700,944

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	121,757,107,218	223,947,892,592
Chi phí nguyên liệu vật liệu	11,773,080,754	10,294,926,670
Chi phí dụng cụ quản lý	6,360,227,071	5,751,379,620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,908,405,458	7,244,684,442
Thuế phí và lệ phí	11,190,797,200	8,108,498,137
Chi phí dự phòng	989,208,974	407,728,541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48,687,660,156	42,589,346,428
Chi phí khác bằng tiền	69,574,324,362	74,752,362,428
Cộng	278,240,811,193	373,096,818,857

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	116,576,134,818	27,156,317,541
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	116,576,134,818	27,156,317,541
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80,395,709	80,395,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,450	338

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu